TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày 16 – 02 – 2022
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thúy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Dân

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Châu Long - Kiểm sát viên .

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 544/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022, về việc "Tranh chấp hụi" giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần P, sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: Số 06, Bà Triệu, khóm 8, phường 5, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần T, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: Số 104, Tô Hiến T, khóm I, phường T, thành phố CM, tỉnh CM theo giấy ủy quyền ngày 13/8/2020 và giấy ủy quyền ngày 12/01/2021 (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn K (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 300 đường Lý Văn L, khóm Q, phường Q, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần U (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 300 đường Lý Văn L, khóm Q, phường Q, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2020, đơn khởi kiện bổ sung 11/01/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Trần T trình bày:

Bà Trần P có chơi hụi do bà Nguyễn K làm chủ và đứng ra tổ chức thu tiền hụi viên. Trong quá trình tham gia chơi hụi, bà K tuyên bố bể hụi và còn nợ bà P số tiền của các dây hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Khui ngày 17/3/2018 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 17 hàng tháng, gồm 30 chưng, bà P tham gia 02 chưng, hụi đến ngày 17/5/2020 thì mãn. Bà P đóng hụi đầy đủ cho bà K đến kỳ thứ 28 thì bà P được hốt hai chưng hụi mãn nhưng bà K không giao hụi, bà P có đòi nhưng bà K cho rằng bận công việc gia đình đến tháng 7/2020 bà K đã bỏ địa phương đi cho đến nay. Dây hụi này bà K còn nợ bà P số tiền: 2.000.000đồng X 28 kỳ X 02 chưng = 112.000.000đồng.

Dây hụi thứ hai: Khui ngày 09/02/2019 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 09 hàng tháng, gồm 28 chưng, bà P tham gia 02 chưng, hụi đến ngày 09/5/2021 thì mãn. Bà P đóng hụi đầy đủ cho bà K đến kỳ thứ 17 thì bà K tuyên bố bể hụi nên không thu tiền hụi nữa. Dây hụi này bà K còn nợ bà P số tiền: 5.000.000đồng X 17 kỳ X 02 chưng = 170.000.000đồng.

Dây hụi thứ ba: Khui ngày 25/3/2019 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, nửa tháng khui một lần vào ngày 25 và ngày 10 hàng tháng, gồm 34 chưng, bà P tham gia 02 chưng, hụi đến ngày 25/5/2020 thì mãn. Bà P đóng hụi đầy đủ cho bà K đến kỳ thứ 32 thì bà P được hốt hai chưng hụi mãn, nhưng bà K không giao hụi, bà có hối thúc nhưng bà K cho rằng bận công việc gia đình đến tháng 7/2020 bà K đã bỏ địa phương đi cho đến nay. Dây hụi này bà K còn nợ bà P số tiền: 3.000.000đồng X 32 kỳ X 02 chưng = 192.000.000đồng.

Tổng 03 dây hụi bà K còn nợ bà P số tiền tổng cộng là: 474.000.000đồng.

Nay bà P yêu cầu Tòa án buộc bà K, ông U thanh toán cho bà P số tiền nợ hụi là 474.000.000đồng (*Bốn trăm bảy mươi bốn triệu đồng*). Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

***** *Quá trình giải quyết vụ án ông Trần U (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày như sau:*

Ông với bà Nguyễn K là vợ chồng. Trước đây bà K có tổ chức hùn vốn chơi hụi, bà Trần P là hụi viên, chơi hụi do bà K làm chủ nhưng quá trình chơi bà K còn nợ bà P bao nhiêu tiền thì ông không biết chính xác. Ông cũng không biết lý do bà K bể hụi, bà K sử dụng tiền hụi của các hụi viên vào mục đích gì. Việc bà K với bà P chơi hụi ông không có tham gia. Trường hợp bà K có thiếu tiền hụi của bà P thì ông cũng đồng ý cùng bà K có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền hụi còn nợ cho bà P. Nhưng hoàn cảnh gia đình ông đang gặp khó khăn nên ông xin Tòa án cho ông được trả dần cho bà P mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đối với bà Nguyễn K trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định phân công thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhiều lần nhưng bà K vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đồng thời, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì tất cả đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên cho rằng việc bà K, ông U vi phạm nghĩa vụ giao hụi cho thành viên là có thật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27, 37 luật hôn nhân và gia đình, căn cứ vào các danh sách hụi và lời trình bày của bà Trương Thị Ngọc T (bút lục số 65) xác định bà P có tham gia chơi hai chưng nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà K, ông U có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 474.000.000đồng (*Bốn trăm bảy mươi bốn triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn, người liên quan được xác định là tranh chấp hụi, bà Nguyễn K là bị đơn, có nơi cư trú tại số 300, Lý Văn L, khóm Q, phường Q, thành phố CM, tỉnh CM nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn K, ông Trần U được Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định vợ chồng ông U, bà K còn nợ nguyên đơn số tiền 474.000.000đồng, đây là tổng số tiền của 03 dây hụi khác nhau.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận tổ chức chơi hụi giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Khi bà K tổ chức chơi hụi, mời các hụi viên cùng nhau góp vốn có lập danh sách hụi viên tuy không đăng ký, không được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn, người liên quan và những người biết sự việc là hụi viên đã tham gia chơi hụi do bà K làm chủ được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau: Việc các đương sự giao dịch hụi thực tế có xảy ra, quá trình chơi hụi bà K là người đứng ra tổ chức chơi hụi (chủ hụi), khi không còn khả năng thanh toán tiền cho các hụi viên dẫn đến tuyên bố bể hụi, dừng tất cả các hoạt động liên quan đến hụi nhưng bà K không cùng với các hụi viên kết nợ, tìm cách giải quyết số tiền còn nợ các hụi viên mà lại bỏ địa phương đi cho đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa cũng không gửi ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, không cung cấp chứng cứ chứng minh. Đối với ông U chồng bà K tuy ông cho rằng ông không trực tiếp đứng ra cùng chơi hụi với các hụi viên nhưng ông biết việc vợ ông tổ chức chơi hụi và

biết nguyên đơn khởi kiện vợ chồng ông đòi tiền hụi, ông cũng đã gửi bản tự khai cho Tòa án nhưng ông và bà K không đến Tòa án để tham gia phiên họp và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa để giải quyết vấn đề đang tranh chấp hụi với bà P. Ông cũng không tác động bà K để về đối chiếu tiền hụi với nguyên đơn. Chính vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án hoàn toàn phù hợp.

Bên cạnh đó, đối với dây hụi ngày 17/3/2018 tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà T không chứng minh cũng không cung cấp thêm chứng cứ thể hiện bà P tham gia chơi hụi 02 chưng như bà T đã trình bày. Tại danh sách hụi (bút lục số 10) là chứng cứ duy nhất do bà P cung cấp cho Tòa án thể hiện bà P chỉ chơi có một chưng, còn lời khai của những người biết sự việc chỉ để Hội đồng xét xử tham khảo, chưa đủ căn cứ chứng minh. Tại phiên tòa bà T cho rằng bà K ghi nhầm dấu nhưng tại các danh sách hụi khác cũng có tên "Chị Phướng, Chị Phượng" chơi chung hụi do bà K làm chủ. Nếu bà K ghi nhầm tại sao bà P không yêu cầu bà K sửa lại cho đúng vì đây là quyền lợi của bà P. Quá trình giải quyết vụ án bà K không còn ở địa phương nên không đối chất vấn đề này được. Từ những lý do trên, Hội đồng xét xử chấp nhận bà K nợ bà P 01 chưng với số tiền là 56.000.000đồng (*Năm mươi sáu triệu đồng*).

Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền hụi là 418.000.000đồng (Bốn trăm mười tám triệu đồng) là phù hợp.

[4] Trong số tiền hụi nguyên đơn yêu cầu có phần lãi hụi nhưng nguyên đơn, bị đơn, người liên không đặt ra yêu cầu điều chỉnh. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không nhớ chính xác số tiền bỏ hụi của từng lần bỏ thăm để được hốt hụi nên Hội đồng xét xử không xem xét việc điều chỉnh.

[5] Về thời gian và phương thức thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông U, bà K thanh toán tiền hụi còn thiếu, ông U yêu cầu được thanh toán mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi thanh toán xong. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà P, bà K, ông U phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 15, Điều 18, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 23, Điều 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần P.

Buộc bà Nguyễn Thị K, ông Trần U thanh toán cho bà Trần P số tiền hụi là 418.000.000đồng (*Bốn trăm mười tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Trần P có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn K, ông Trần U không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần P về việc buộc bà Nguyễn K, ông Trần U thanh toán số tiền 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn K, ông Trần U phải chịu số tiền 20.720.000đồng (*Hai mươi triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*, chưa nộp). Bà Trần P phải chịu số tiền là 2.800.000 đồng (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*), Ngày 17/12/2020, bà Trần P đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 11.480.000đồng (*Mười một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0000369 được đối trừ, bà P được nhận lại số tiền 8.680.000 đồng (*Tám triệu, sáu trăm tám chục nghìn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thúy Dung